

Trường: Trường MN Hoa Phượng Vàng

Bộ phận: Bán trú

BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

Ngày: 1/10/2025 Số học sinh: 432 phần ăn/ngày 24.000 đ

Tiền tồn ngày hôm trước chuyển qua	Thu trong ngày	Tổng thu	Chi tiền ăn (23.600đ)	Nước uống HS (400đ)	Tổng chi
	10.368.000	10.368.000	10.195.200	172.800	10.368.000
STT	Tên thực phẩm/gia vị, khác...	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền
	Gia vị				281.896
1	Muối hạt	Kg	1,50	6.000	9.000
2	Muối I ốt	Kg	0,40	6.000	2.400
3	Nước mắm	Lít	1,00	18.296	18.296
4	Đường	Kg	0,50	27.000	13.500
5	Bột ngọt 1,8 kg	Kg	0,40	122.000	48.800
6	Hạt nêm	Kg	0,40	106.000	42.400
7	Dầu ăn	Lít	1,50	50.000	75.000
8	Bột canh	Kg	0,30	22.000	6.600
9	Hành khô	Kg	0,20	87.000	17.400
10	Hành tím	Kg	0,50	97.000	48.500
	Bữa trưa				7.513.784
01	Gạo trắng	Kg	38,88	18.000	699.840
02	Thịt gà	Kg	62,40	100.000	6.240.000
03	Bí xanh	Kg	30,00	18.000	540.000
04	Gừng sế	Kg	0,50	40.000	20.000
05	Hành lá	Kg	0,55776	25.000	13.944
	Bữa Xế				2.399.520
01	Tim heo	Kg	8,00	255.000	2.040.000
02	Cà rốt	Kg	2,00	22.000	44.000
03	Khoai tây	Kg	3	22.000	66.000
04	Đậu xanh có vỏ	Kg	2	47.000	94.000
05	Gạo cháo	Kg	8,64	18.000	155.520
Cộng chi ăn trong ngày					10.195.200

Bằng chữ: Mười triệu một trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm đồng

Tồn cuối ngày: - Đ

Hiệu trưởng

Phụ trách bán trú

Kế Toán

Người lập bảng



Lê Thị Nguyên

Vũ Thị Thanh Thúy

Đào Thị Thúy Hằng

Nguyễn Thị Hồng Nghĩa